



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xi măng Quán Triều - VVMI

Ngày 30/09/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.3%	4.7%	0.2%

DT thuần Q3/25
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.0 -30.0%
YoY: ▼18.0 -13.5%

LN thuần Q3/25
-6.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.4 -167%
YoY: ▼1.79 -41.0%

LN sau thuế Q3/25
-5.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.7 -166%
YoY: ▼1.43 -32.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-3.9%
YoY: +/- ▼ 10.6%

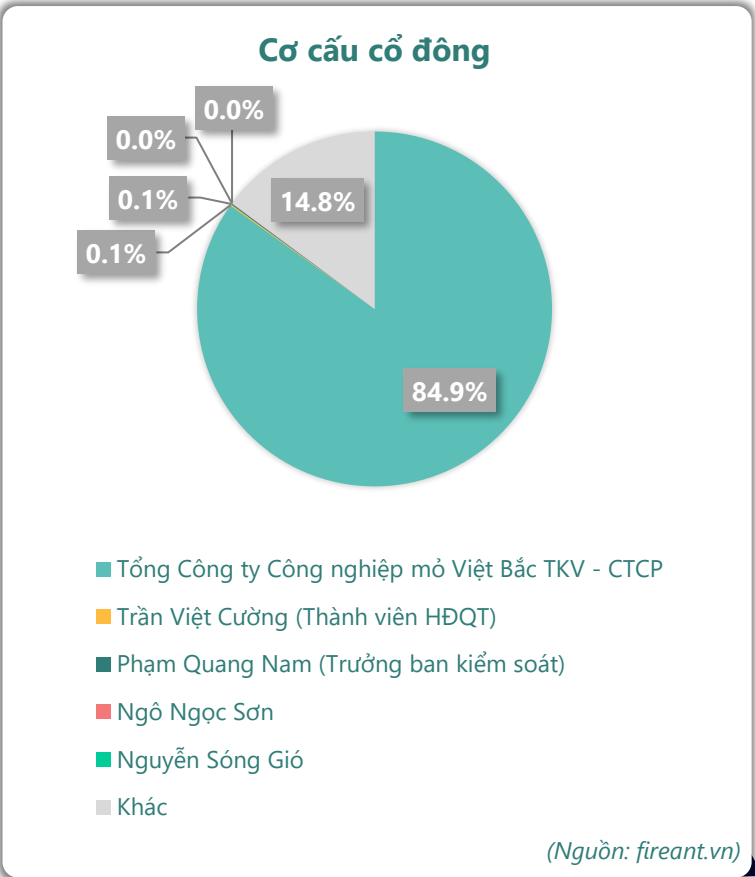
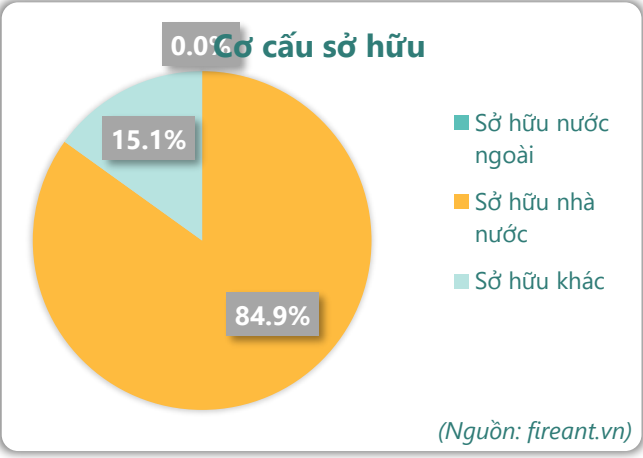
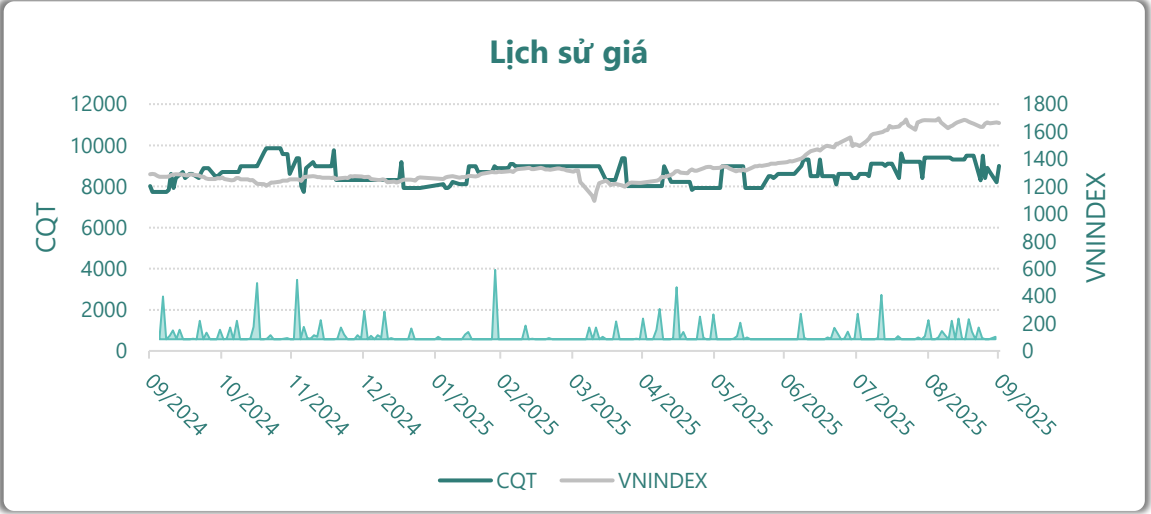
ROE (TTM) Q3/25
7.2%
YoY: +/- ▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,730 - 9,856
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
Số lượng CPLH (CP)	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	865
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	713
P/E	12.6

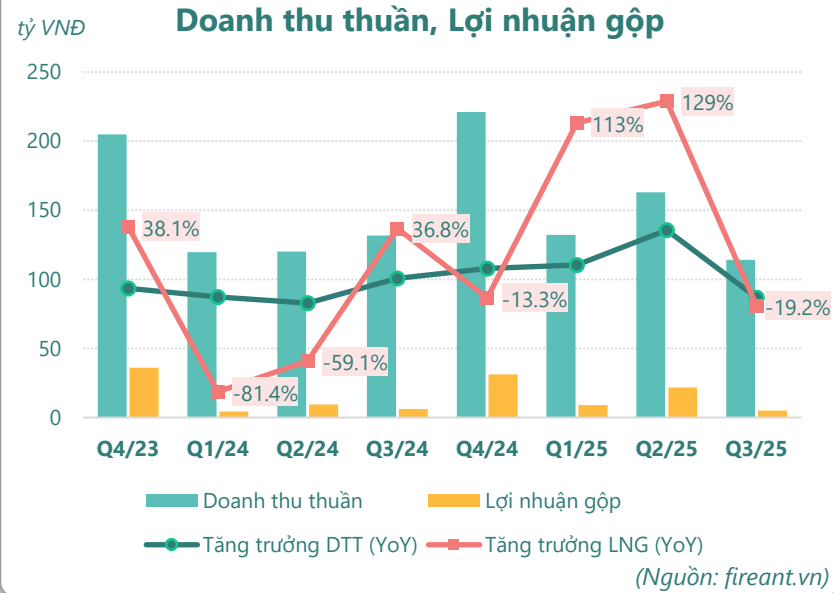
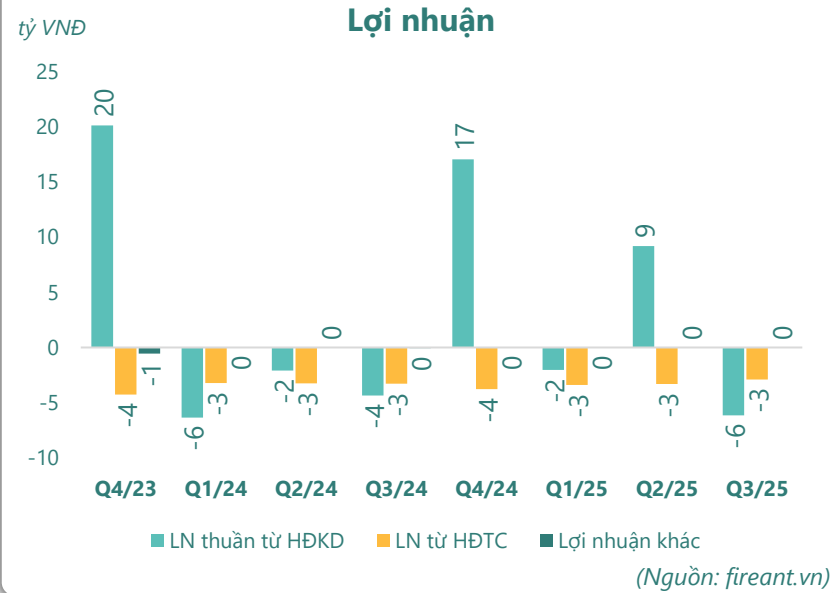
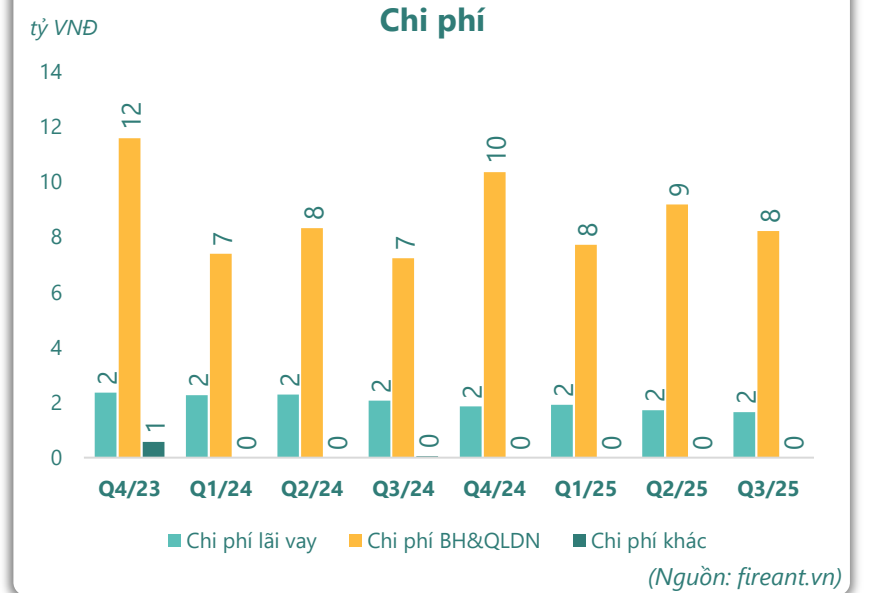
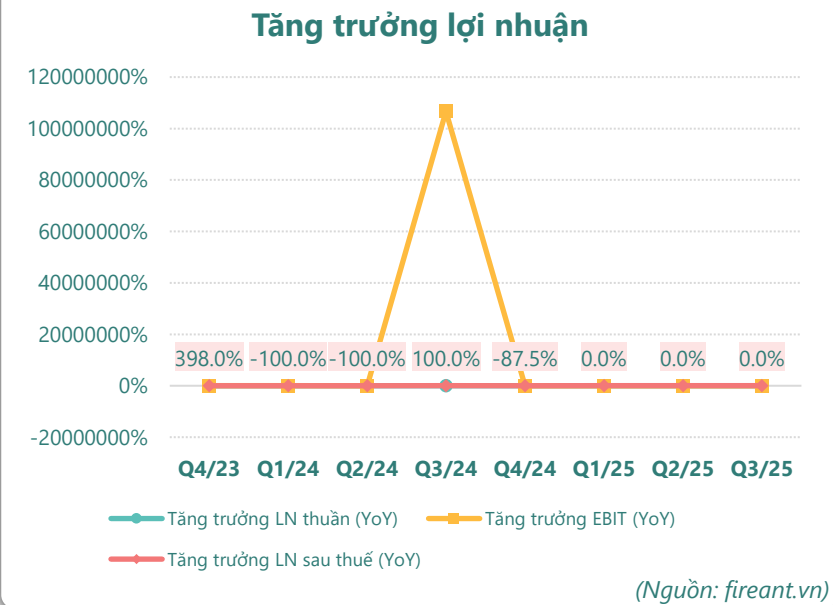
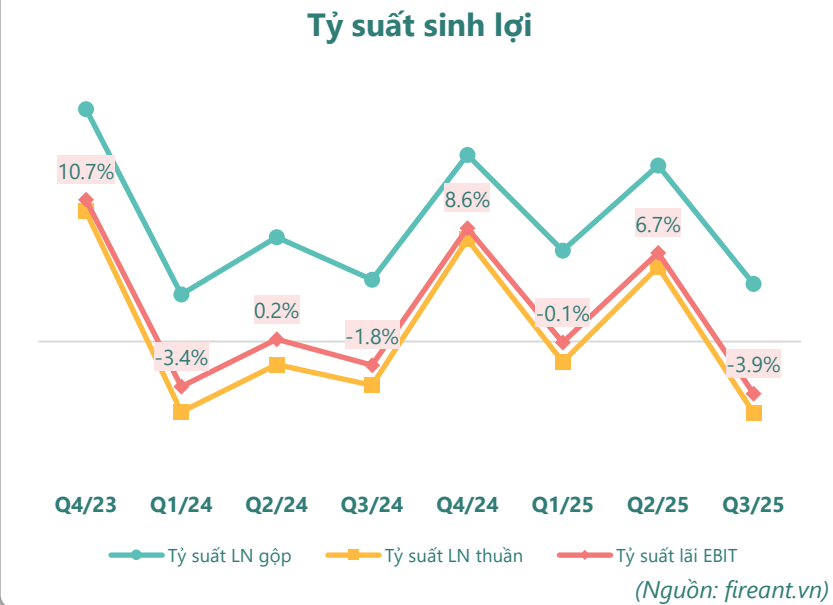
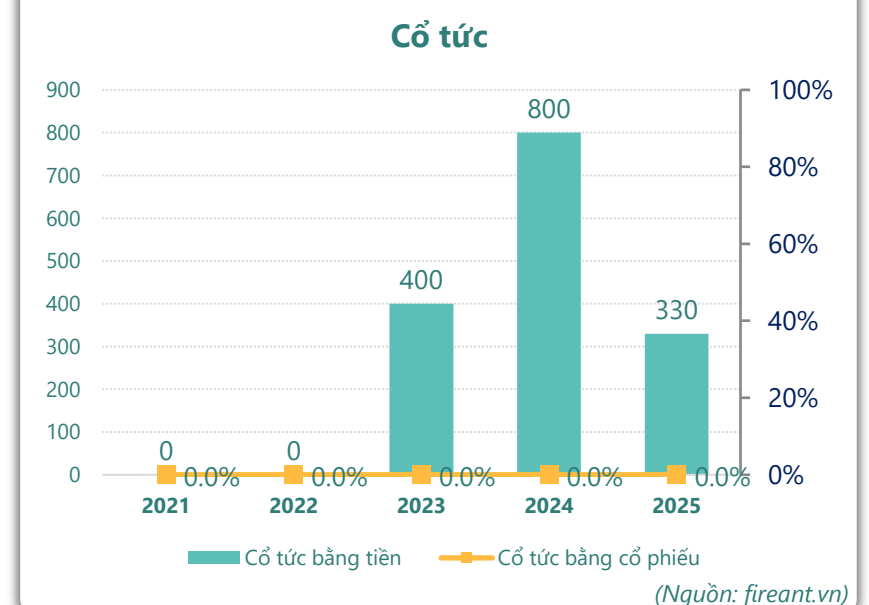
DT thuần 9T 2025
409
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0 10.1%

LN thuần 9T 2025
1.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.8 108%

LN sau thuế 9T 2025
0.97
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.9 108%



KẾT QUẢ KINH DOANH

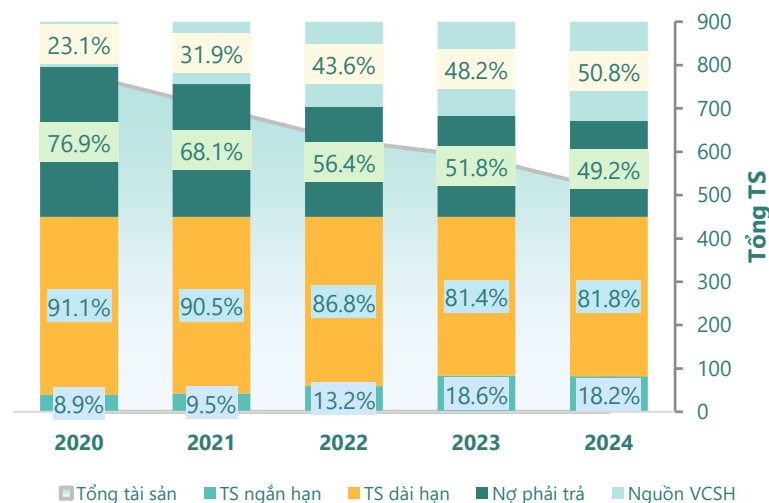




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

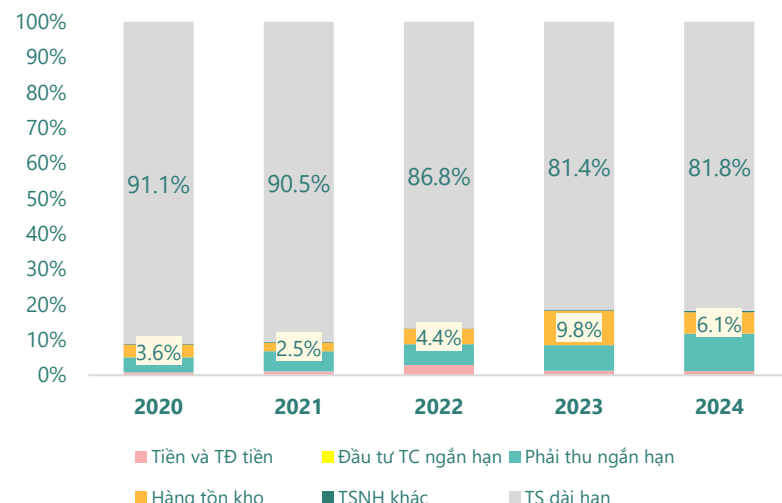
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

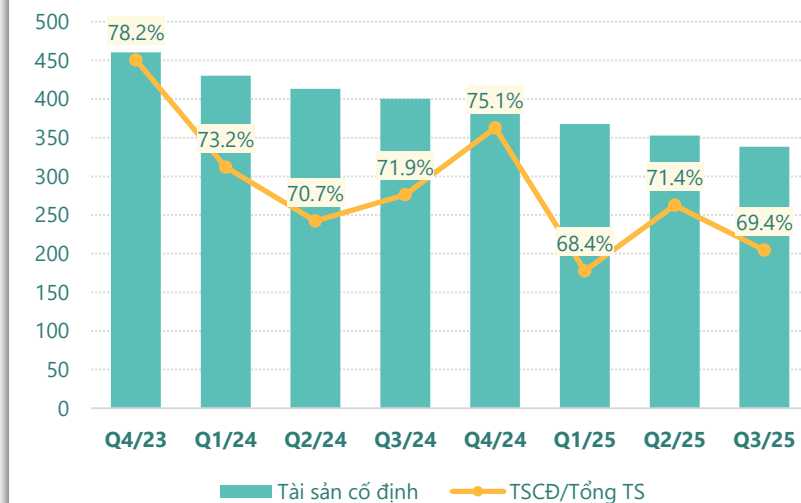
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

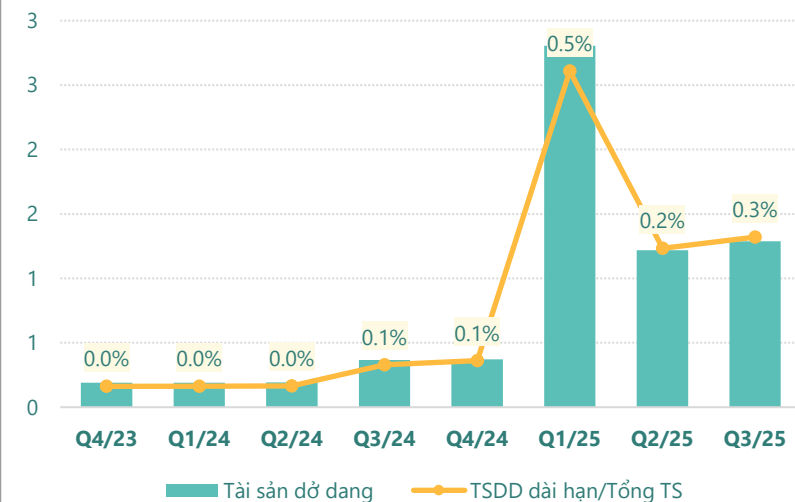
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

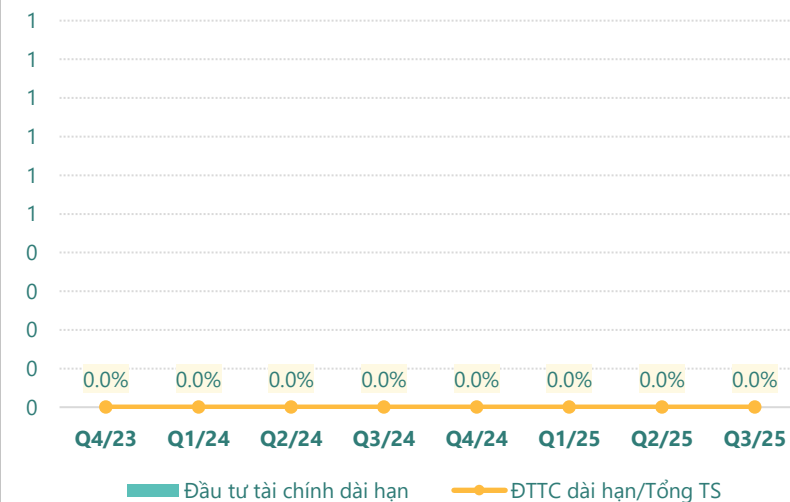
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

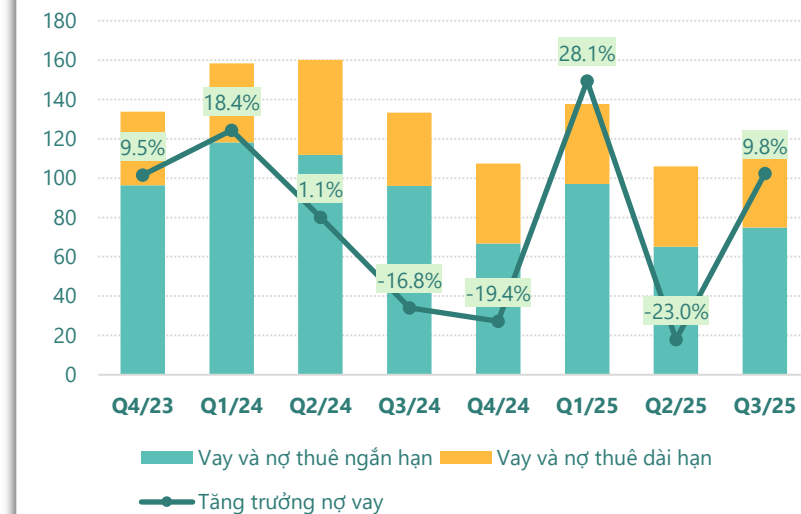
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

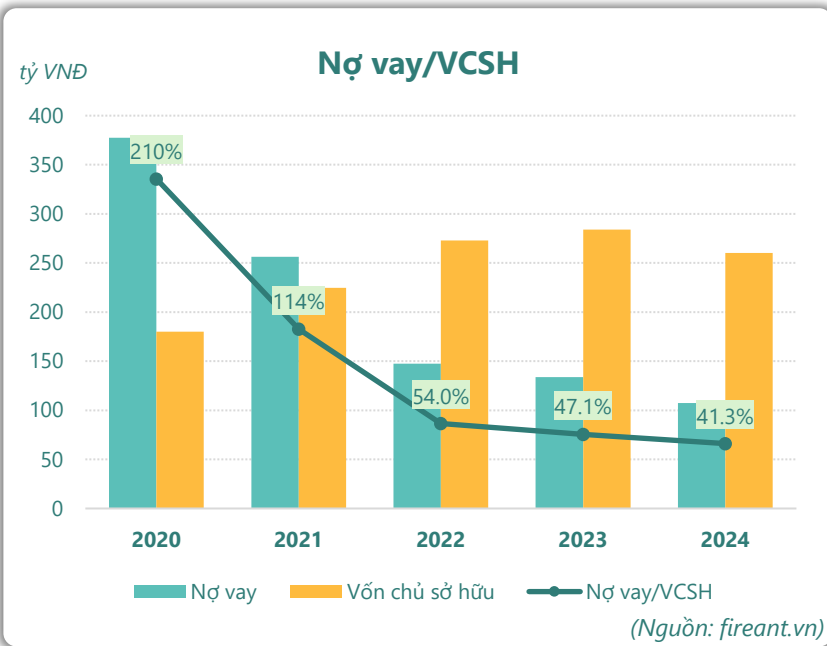
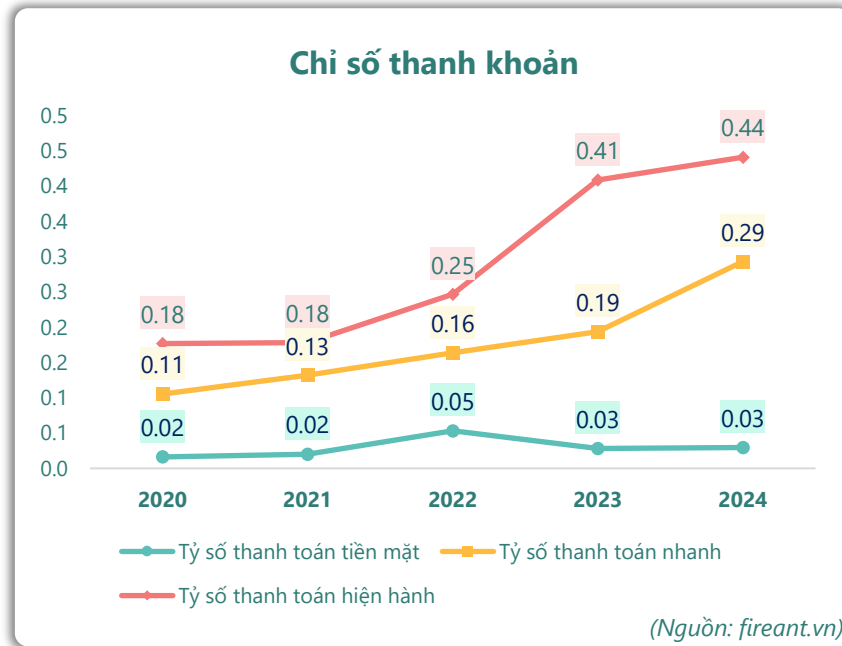
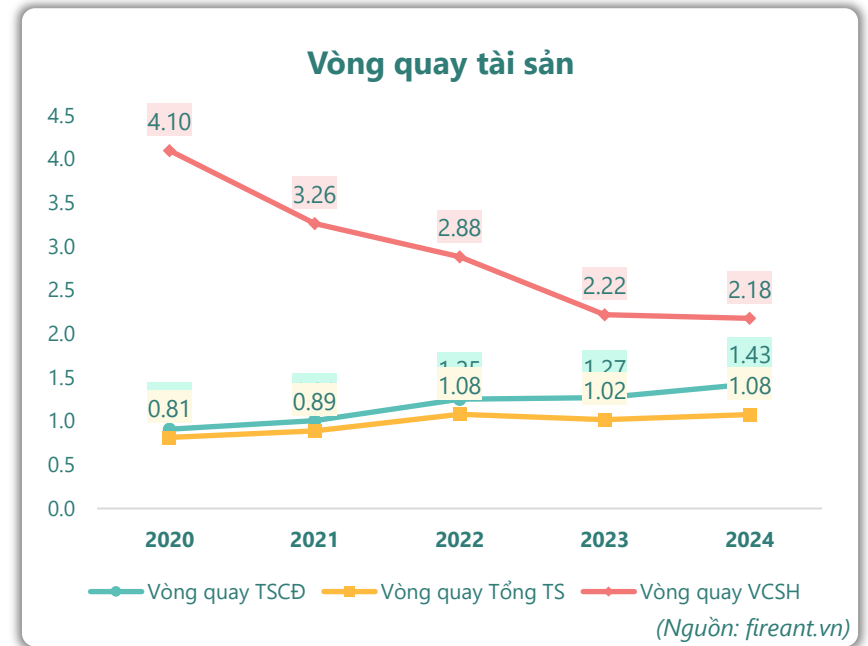
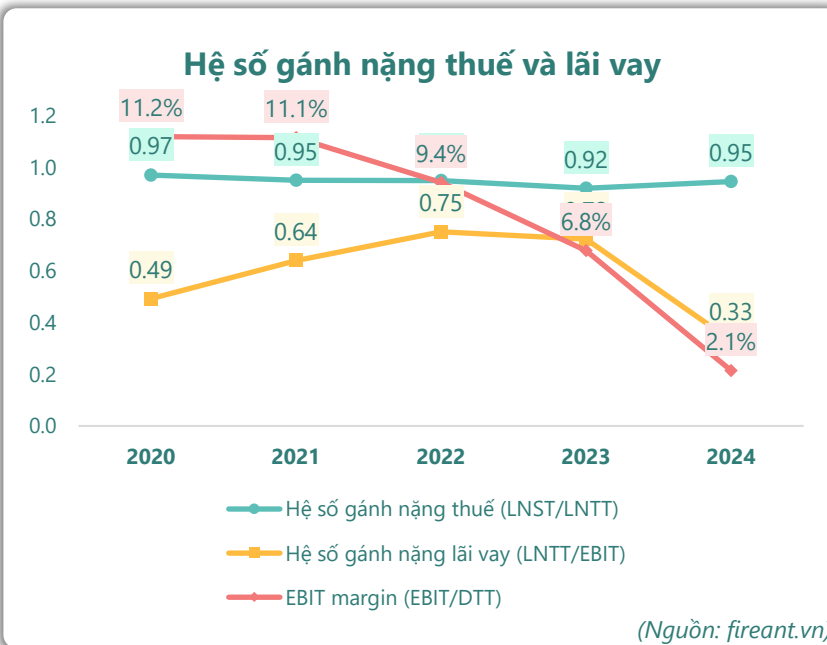
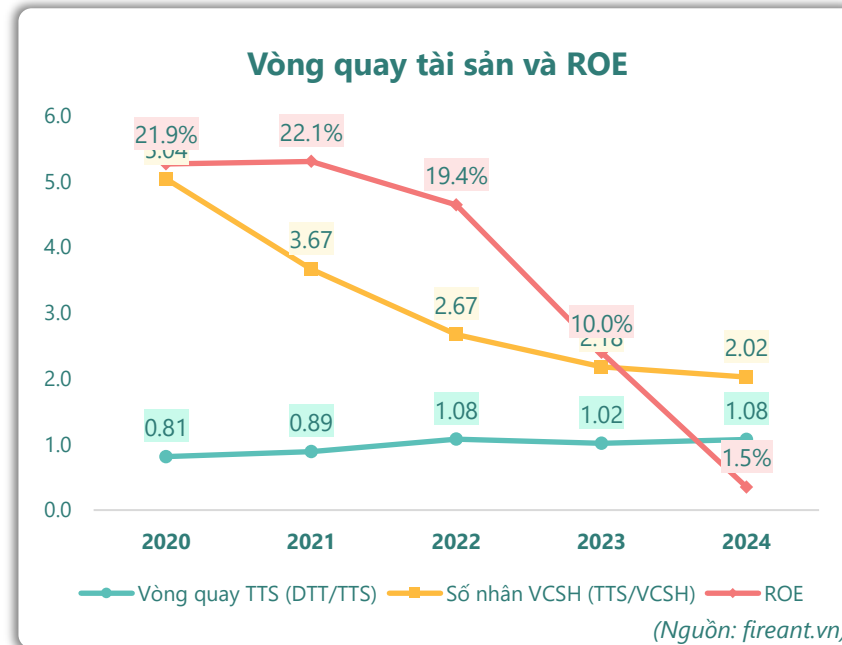
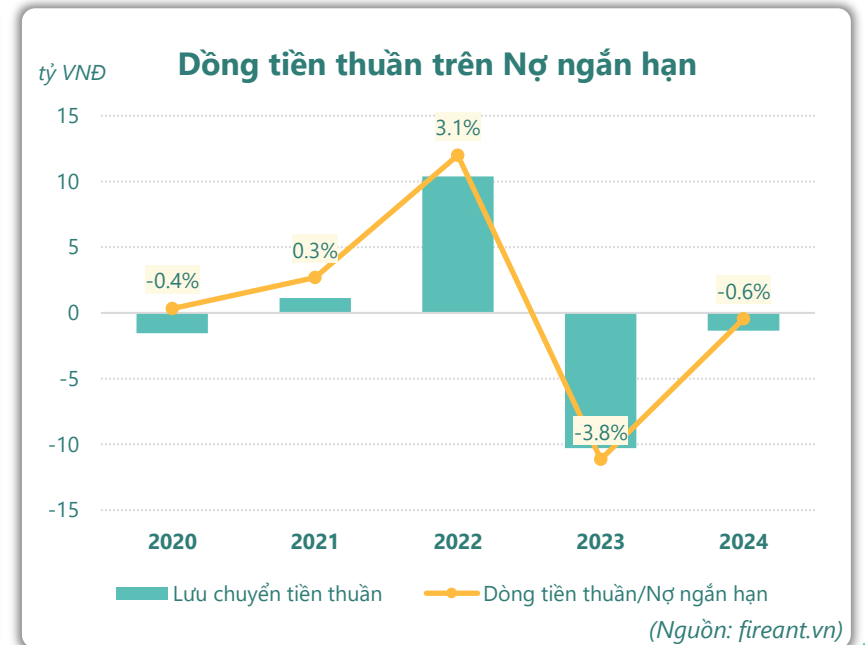
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	114	132	-13.5%	409	372	10.1%
Giá vốn hàng bán	109	125	-12.7%	374	352	6.2%
Lợi nhuận gộp	4.98	6.16	-19.2%	35.8	19.9	79.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.01	51.2%
Chi phí TC	2.90	3.29	-11.7%	9.62	9.77	-1.5%
Chi phí lãi vay	1.66	2.07	-20.0%	5.30	6.63	-20.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.05	2.30	32.5%	9.26	8.66	7.0%
Chi phí QLDN	5.18	4.94	4.8%	15.9	14.3	11.0%
LN thuần từ HĐKD	-6.15	-4.36	-41.0%	1.03	-12.8	108%
Lợi nhuận khác	0	-0.05	100%	0.00	-0.05	100.0%
LN trước thuế	-6.15	-4.41	-39.4%	1.03	-12.9	108%
Lợi nhuận sau thuế	-5.84	-4.41	-32.5%	0.97	-12.9	108%
LNST của CĐ cty mẹ	-5.84	-4.41	-32.5%	0.97	-12.9	108%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.04	52.0	23.5	-26.8	38.9	1.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.50	-4.50	0.00	-2.54	-1.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.81	-46.9	-25.9	30.2	-31.7	3.53
Tiền đầu kỳ	11.8	8.52	13.1	6.23	9.61	14.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.23	4.63	-6.92	3.38	4.67	3.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.52	13.1	6.23	9.61	14.3	17.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	488	513	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	109	93.3	16.4%
Tiền và tương đương tiền	17.6	6.23	183%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.0	54.0	-55.4%
Hàng tồn kho	57.0	31.3	82.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	1.85	442%
Tài sản dài hạn	379	419	-9.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	338	385	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.29	0.37	248%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	39.5	34.2	15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	252	-6.2%
Nợ ngắn hạn	195	212	-7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.9	66.8	12.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	82.5	101	-18.3%
Nợ dài hạn	41.5	40.7	1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	41.5	40.7	1.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	260	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	251	260	-3.6%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

